

LĐ VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/10/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+P4	7:25	2+19	0+0		1+21	0+0	
2		PPD+CTK3+GTCl	7:25	20+2+0	0+0+0		19+2+0	0+0+0	CHUYEN 1 CTK3-GTCl
3		RCDM+RP1+RP3	7:25	0+5+14	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 3 DM- RP1
4		PPD+P10+P4	9:25	13+9+0	0+0+0		12+4+5	0+0+0	
5		RC10+RP2+P11	9:25	0+0+14	0+0+0		0+5+17	0+0+0	CHUYEN 1 RC10-RP2
6		P2+BK14+RP3	11:25	16+0+4	0+0+0		0+3+18	0+0+0	

TTĐĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
2 NGUOI CTK3 VỀ ĐI P8 NGÀY KHÁC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: HONG - 1	TO: P3 - P4	CREW: LINH - NPHÚ - DTÙNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4097	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN MẠO	P3	01	1	13			56	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN ĐẠT	P3	600	1	7			69	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
3	NGUYỄN LÊ HUY	P4	65	1	5	2	15	72	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	67	1	5			74	KHI	Vietnamese
5	TRẦN SƠN TIẾN	P4	66	1	7			67	KHI	Vietnamese
6	LÊ VĂN MẠNH	P4						58	KHI	Vietnamese
7	PHẠM QUỐC DUY	P4	61	1	4			60	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH CANG	P4	64	1	5			77	KHI	Vietnamese
9	OVCHARENKO A.	P4	74	1	7			85	KHI	Vietnamese
10	ZAGUDAEV VITALII	P4	68	1	4	2	20	81	KHI	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	59	1	4			79	KHI	Vietnamese
12	DƯƠNG ĐÌNH HIỆN	P4	62	1	6			64	KHI	Vietnamese
13	LÊ QUANG VINH	P4	63	1	8			69	KHI	Vietnamese
14	LÊ VĂN TÂN	P4	57	1	9			63	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN ANH	P4	58	1	7			56	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN QUANG	P4	56	1	11			66	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN DŨNG	P4	52-53	2	13			78	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P4	55	1	10			61	KHI	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN AI	P4	60	1	5			59	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	P4	54	1	6			55	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN THĂNG	P4	71	1	3			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P3	2	125	2	20	0	0	1		
2	P4	19	1.295	19	119	4	35	21		
TOTAL		21	1.420	21	139	4	35	22		
WEIGHT KG			1.420		139		35			

GRAND TOAL: 1.594 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: TRANG-1	TO: PPD - CTK3 - GTC1	CREW: QVIỆT - N.ANH - TÚ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4100	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN ĐỨC KHANG	PPD	621	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	37	1	3			62	KHI	Vietnamese
3	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	34	1	3			73	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC LAM	PPD	25	1	5			68	KHI	Vietnamese
5	VÕ VĂN QUYỀN	PPD	620	1	5			70	KHI	Vietnamese
6	VŨ VĂN TRIỆU	PPD	33	1	3			77	KHI	Vietnamese
7	NGÔ SỸ THANH	PPD	38	1	6	2	40	88	KHI	Vietnamese
8	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	23	1	2			82	KHI	Vietnamese
9	TRỊNH VĂN CUÔNG	PPD	20	1	6			67	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH VIỆN	PPD	21-22	2	10			75	KHI	Vietnamese
11	OKOVANTSEV G.	PPD	19	1	12			112	KHI	Russian
12	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	18	1	2			67	KHI	Vietnamese
13	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	36	1	5			74	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG HIỂN	PPD	26	1	2			54	KHI	Vietnamese
15	LÊ TRUNG LÂN	PPD	618	1	5			80	KHI	Vietnamese
16	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	17	1	4			54	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TẤT KHANH	PPD	619	1	4			76	KHI	Vietnamese
18	BUI NGỌC HƯƠNG	PPD	24	1	6			63	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	32	1	3			74	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	35	1	9			77	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC QUÂN	CTK3	46-47	2	17			55	XAYLAP	Vietnamese
22	VŨ XUÂN HỒI	CTK3	48	1	14			71	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	20	1.472	21	104	2	40	19		
2	CTK3	2	126	3	31	0	0	2	1	CHUYEN 1 KHACH CTK3-GTC1
3	GTC1	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	1.598	24	135	2	40	21		
WEIGHT KG			1.598		135		40			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: CAM-1	TO:RCDM - RP1 - RP3	CREW: LHM - KHAI - DUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4102	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VAN BAO TRUNG	RP1	98	1	3	3	50	64	KH-THAC	Vietnamese
2	HUYNH ĐỨC VŨ	RP1	77	1	9			71	DUY LINH	Vietnamese
3	TRẦN THANH TUƠNG	RP1	78	1	11			62	DUY LINH	Vietnamese
4	TRẦN TRUNG HIỆU	RP1	79-80	2	12			68	DUY LINH	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG TŨ	RP1	81	1	6			72	DUY LINH	Vietnamese
6	NGUYỄN HỒ THIỆN TAM	RP3	37-38	2	14			72	KH-THAC	Vietnamese
7	KHARITONOV YURY	RP3	84	1	7			78	KHI	Russian
8	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	46-47	2	10			85	KHI	Vietnamese
9	VŨ MẠNH CƯỜNG	RP3	39	1	8			71	KHI	Vietnamese
10	PHẠM HOANG NGUYỄN	RP3	40	1	4			65	KHI	Vietnamese
11	TRẦN THANH ĐỨC	RP3	41	1	5			102	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC DŨNG	RP3	34	1	8			78	KHI	Vietnamese
13	TRẦN DUY TẤN	RP3	45	1	5			72	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN BẢNG	RP3	42	1	9			81	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN NHƯ THANH	RP3	31-32	2	18			78	KHI	Vietnamese
16	VŨ QUANG DƯƠNG	RP3	35	1	10	1	14	72	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC THIỆN	RP3	33	1	12			72	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH HOA	RP3	47	1	5			92	NIPI	Vietnamese
19	VŨ ĐÓN LONG	RP3	43-44	2	6	2	40	76	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RCDM	0	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 03 PAX RCDM-RP1
2	RP1	5	337	6	41	3	50	0		
3	RP3	14	1.094	18	121	3	54	22		
TOTAL		19	1.431	24	162	6	104	22		
WEIGHT KG			1.431		162		104			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

LƯU THANH HẢI
ĐẶNG QUANG KHẢI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: PPD - P10 - P4	CREW: LINH - NPHÚ - DTÙNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4098	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRƯƠNG HAI HA	PPD	91	1	6			71	KHI	Vietnamese
2	LÊ THÀNH TRUNG	PPD	86	1	4			65	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN THÈ HUNG	PPD	76-77	2	6			68	KHI	Vietnamese
4	ĐOÀN MẠNH TOAN	PPD						87	KHI	Vietnamese
5	LUƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	85	1	7			55	KHI	Vietnamese
6	PHAN HUY HOANG	PPD	83-84	2	15			79	KHI	Vietnamese
7	VÕ ĐÌNH HUNG	PPD	81-82	2	19			63	KHI	Vietnamese
8	HOANG VAN DOANH	PPD	89	1	3			68	PSV	Vietnamese
9	HOANG XUÂN ĐÔNG	PPD	87	1	4			61	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC LINH	PPD	88	1	3			70	PSV	Vietnamese
11	TRẦN MẬU SƠN	PPD	78	1	4			75	PSV	Vietnamese
12	ĐO QUANG KHAI	PPD	90	1	8			86	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT HA	PPD	79-80	2	16			76	PSV	Vietnamese
14	ĐÌNH NGỌC CHÍNH	P10	09-10	2	16			67	HA VIỆT	Vietnamese
15	NGUYỄN BA TUNG	P10	05-06	2	8			63	HA VIỆT	Vietnamese
16	LÊ ĐÌNH BẠC	P10	11	1	11			61	HA VIỆT	Vietnamese
17	LÊ HỮU HÒA	P10	01	1	13			70	HA VIỆT	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	P10	03	1	8			57	HA VIỆT	Vietnamese
19	TRẦN MINH DƯƠNG	P10	04	1	10			63	HA VIỆT	Vietnamese
20	LÊ VĂN QUÂN	P10	02	1	7			61	HA VIỆT	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH VAN	P10	08	1	9			65	HA VIỆT	Vietnamese
22	LUƠNG VŨ ĐẠY	P10	07	1	10			73	HA VIỆT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	13	924	16	95	0	0	12		
2	P10	9	580	11	92	0	0	4		
3	P4	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	1.504	27	187	0	0	21		
WEIGHT KG			1.504		187		0			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: RC10 - RP2 - P11	CREW: VIỆT - N.ANH - TÚ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/4101	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRAN VAN VIET	RP2	54-55	2	11	1	7	76	PSV	Vietnamese
2	VÔ THANH CHUNG	P11	34	1	9			69	NAM TIEN	Vietnamese
3	LƯU NGUYỄN NHẬT DUY	P11	35-36	2	14			83	NAM TIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN TIÊN QUYÊN	P11	50-51	2	15			66	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG DANH	P11	39-40	2	19			78	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM QUỐC TRƯỜNG	P11	45-46	2	17			60	XAYLAP	Vietnamese
7	TRỊNH HỒNG SƠN	P11	43	1	16			62	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TIÊN HAI	P11	54-55	2	16			50	XAYLAP	Vietnamese
9	MAI XUÂN TOÀN	P11	41-42	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM ANH QUÂN	P11	47-48	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ TRI HAI	P11	52-53	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
12	TRỊNH VĂN BÀU	P11	37-38	2	18			71	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ ĐOÀN HAI	P11	56-57	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN BĂNG	P11	44	1	19			69	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC HẢO	P11	49	1	13			83	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC10	0	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 1 PAX RC10-RP2
2	RP2	1	76	2	11	1	7	5		
3	P11	14	944	24	232	0	0	17		
TOTAL		15	1.020	26	243	1	7	22		
WEIGHT KG			1.020		243		7			

GRAND TOAL: 1.270 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: TIM-3	TO: P2 - BK14 - RP3	CREW: LINH - SON - VŨ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4099	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐOÀN VĂN DU	P2	91	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ DUY AN	P2	80	1	13			121	ANTOAN	Vietnamese
3	PHAN MẠNH CUÔNG	P2	79	1	5			86	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TÙNG	P2	81	1	10			69	ANTOAN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN NGŨ	P2	85-86	2	15	1	13	83	T-TIN	Vietnamese
6	LÊ SINH TÂM	P2	700	1	4			96	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THUY	P2	94-95	2	12			50	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TU THANH	P2	87	1	13			67	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG CHIEN	P2	88-90	3	19			58	KHI	Vietnamese
10	TRẦN THANH LÂM	P2	83	1	13			57	KHI	Vietnamese
11	TRƯƠNG MINH THÈ	P2	98-99	2	14			55	KHI	Vietnamese
12	BUI VĂN DŨNG	P2	93	1	8			62	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN DŨNG	P2	82	1	11			72	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ THÈ ĐÀI	P2	692	1	7			78	DUY LINH	Vietnamese
15	VŨ VĂN KHANH	P2	97	1	13			70	DUY LINH	Vietnamese
16	MAHAMACH SOLES	P2	96	1	10			72	DUY LINH	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HUNG	RP3	58	1	10			56	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CAO	RP3	57	1	17			63	KHI	Vietnamese
19	NGÔ VŨ BÌNH	RP3	61-62	2	20			62	KHI	Vietnamese
20	LÊ VĂN SÁNG	RP3	63	1	6			69	KHI	Vietnamese
21	KHÔNG TIỀN DŨNG	RP3	59-60	2	20			78	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	16	1.169	21	172	1	13	0		
2	BK14	0	0	0	0	3	30	3		
3	RP3	5	328	7	73	0	0	18		
TOTAL		21	1.497	28	245	4	43	21		
WEIGHT KG			1.497		245		43			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHẠM THÁI SƠN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/10/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người
1		P5+TD1+GTCL	7:25	2+20+0	0+0+0	0+19+2	0+0+0	
2		TD1+CLO+RC3	9:25	8+13+0	0+0+0	0+19+1	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

!Các gián chủ ý: Thẻ VT về bờ dân hành lý và phải ghi họ tên hành khách và nơi xuất phát về bờ. Không có sẽ tạm giữ lại lập danh sách vi phạm nội quy AT bay, sẽ đề nghị trừ thưởng gián và cá nhân vi phạm



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P5 - TD1 - GTC1	CREW: VTHANG - M.DUC - THANH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4103	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI SONG TOAN	P5	20	1	7			72	CODIEN	Vietnamese
2	DOAN NGOC VU LINH	P5	21-22	2	6			77	CODIEN	Vietnamese
3	VU VAN KIEN	TD1	88	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
4	VU TU NAM	TD1	93	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM DOI	TD1	84	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VIET CHUONG	TD1	92	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TUAN DAT	TD1	89	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM DANG NINH	TD1	91	1	9			56	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN QUANG	TD1	97	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
10	DOAN VAN KHANH	TD1	98	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
11	DOROSHENKO MAXIM	TD1	90	1	9			95	KHOAN	Russian
12	BUI VAN THOAI	TD1	94-95	2	15			72	YTE	Vietnamese
13	LE VAN BINH	TD1	87	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
14	BUI QUANG MANH	TD1	73-74	2	11			77	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM NGUYEN TRUNG KIEN	TD1	75-76	2	14			92	KHOAN	Vietnamese
16	LUU XUAN HANH	TD1	80-81	2	9			72	KHOAN	Vietnamese
17	Dinh Van Bac	TD1	77-78	2	14			69	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN VAN MINH	TD1	82-83	2	8			64	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN HOANG TIN	TD1	79	1	9			78	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN MINH PHUC	TD1	85-86	2	20			65	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN MINH TIEN	TD1	96	1	8			92	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	2	149	3	13	0	0	0		
2	TD1	19	1.397	26	163	0	0	19		
3	GTC1	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	1.546	29	176	0	0	21		
WEIGHT KG			1.546		176		0			

GRAND TOAL: 1.722 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN THĂNG

NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TD1 - CLO - RC3	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - THÀNH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4104	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HÀ TRUNG ĐÔNG	TD1	06	1	9			80	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ NGỌC LUÂN	TD1	03	1	11			66	KHOAN	Vietnamese
3	ĐOÀN VĂN KHUU	TD1	01	1	11			61	KHOAN	Vietnamese
4	VU VAN THIEN	TD1	07-08	2	20			63	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÀO DUY ĐIẾP	TD1	04	1	14			79	KHOAN	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN MUỘI	TD1	05	1	13			61	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM THANH TÙNG	TD1	02	1	16			90	KHOAN	Vietnamese
8	VƯƠNG NGỌC HOÀN	CLO	03	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
9	VU HAI LONG	CLO	05	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	CLO	98	1	7			52	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	CLO	01,41	2	9			72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LỤC	CLO	06-07	2	11			60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN CHI NGHIỆP	CLO	02	1	3			80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN SĨ LONG	CLO	08	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN VĨNH	CLO	12	1	11			69	KHOAN	Vietnamese
16	LÂM XUÂN TU	CLO	04	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN TUẤN	CLO	13	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
18	BUI TIEN THANH	CLO	10	1	9			79	KHOAN	Vietnamese
19	ĐINH CHÍ CÔNG	CLO	11	1	14			64	KHOAN	Vietnamese
20	ĐẶNG MINH TUẤN	CLO	09	1	14			86	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	7	500	8	94	0	0	0		
2	CLO	13	932	15	103	0	0	2		
3	RC3	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		20	1.432	23	197	0	0	22		
WEIGHT KG			1.432		197		0			

GRAND TOAL: 1.629 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

BUI THI HIEN LUONG

NGÔ VĂN THẮNG
 NGUYỄN MINH ĐỨC